



CTY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC GIA

BÁO CÁO LƯU

Ngày.....tháng.....năm 20.....

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT BẮC KẠN

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính 2020*

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC GIA
NATIONAL AUDITING FINANCIAL CONSULTANT CO., LTD

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn (“Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2020.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn được chuyển đổi từ Ban Xổ số kiến thiết tỉnh Bắc Kạn theo quyết định số 1180/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (Kinh doanh phát hành các loại hình xổ số);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn);
- Cho thuê xe có động cơ (Cho thuê ô tô du lịch);
- Điều hành tua du lịch (Kinh doanh dịch vụ du lịch);
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Dịch vụ nhà hàng).

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 8.758.456.042 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Số 314, đường Võ Nguyên Giáp, phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2020 của Công ty được trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại trang số 8.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

BAN GIÁM ĐỐC

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ông Hoàng Duy Phương	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn tài chính Quốc Gia (NAFICO) bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty trong những năm tài chính tiếp theo.

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày, giải thích trong Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 03 năm 2021
Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc
Chủ tịch kiêm Giám đốc





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC GIA

Add: 17th Floor, A Tower, 18 Phạm Hùng Street, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Vietnam

Tel: +84-4 3 795 54 04 Fax: +84-4 3 795 54 05 website: www.nafico.com.vn

Số: 143/2021/NAFICO/BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn tài chính Quốc Gia, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn (sau đây gọi là “Công ty”) được lập ngày 29/03/2021, từ trang 6 đến trang 19 bao gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở của ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC GIA



Đỗ Xuân Thành

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên đã đăng ký

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số : 2379-2020-233-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Minh

Đậu Công Minh

Kiểm toán viên đã đăng ký

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 5340-2020-233-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.561.000.283	11.409.970.196
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.526.538.291	8.200.076.118
1. Tiền	111		1.275.459.034	2.191.079.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.251.079.257	6.008.996.957
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.500.000.000	2.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	5.500.000.000	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		135.537.100	489.847.100
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		39.014.500	393.324.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.522.600	4.522.600
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		92.000.000	92.000.000
IV. Hàng tồn kho	140		227.127.857	204.261.243
1. Hàng tồn kho	141	V.03	227.127.857	204.261.243
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.797.035	15.785.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.04	171.797.035	15.785.735
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.196.929.475	6.523.548.492
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		26.673.730	26.223.830
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	26.673.730	26.223.830
II. Tài sản cố định	220		6.130.278.471	6.480.780.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	6.130.278.471	6.480.780.684
- Nguyên giá	222		8.693.793.039	8.693.793.039
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.563.514.568)	(2.213.012.355)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		75.600.000	75.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(75.600.000)	(75.600.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		39.977.274	16.543.978
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	39.977.274	16.543.978
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.757.929.758	17.933.518.688

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31/12/2020 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.293.891.521	8.713.331.000
I. Nợ ngắn hạn	310		8.301.341.521	7.714.781.000
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		488.128.166	960.500.966
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.09	-	1.613.841.085
4. Phải trả người lao động	314		1.954.634.696	1.880.834.518
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	154.001.058	7.988.889
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.11	3.892.959.988	1.916.132.542
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.811.617.613	1.335.483.000
II. Nợ dài hạn	330		992.550.000	998.550.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	992.550.000	998.550.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.464.038.237	9.220.187.688
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	9.464.038.237	9.220.187.688
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.758.456.042	8.758.456.042
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		705.582.195	461.731.646
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		18.757.929.758	17.933.518.688

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách Kế toán

Chủ tịch kiêm Giám đốc







Nguyễn Thị Nhân

Nguyễn Thị Nhân

Nguyễn Thanh Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	57.083.963.637	70.970.138.341
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	7.438.128.852	9.256.763.239
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	49.645.834.785	61.713.375.102
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	44.228.461.597	56.106.414.060
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.417.373.188	5.606.961.042
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	439.720.455	286.032.647
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.912.081.444	4.652.605.166
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		945.012.199	1.240.388.523
11. Thu nhập khác	31	VI.06	200.000	900.800
12. Chi phí khác	32	VI.07	47.329	388.736.199
13. Lợi nhuận khác	40		152.671	(387.835.399)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		945.164.870	852.553.124
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	132.329.708	248.257.865
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		812.835.162	604.295.259

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Phụ trách Kế toán

Chủ tịch kiêm Giám đốc







Nguyễn Thị Nhân

Nguyễn Thị Nhân

Nguyễn Thanh Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		62.939.810.000	76.154.100.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.227.729.509)	(2.253.606.745)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.220.473.441)	(3.954.149.402)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(353.302.065)	(30.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.200.000	900.800
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(59.269.763.267)	(69.845.806.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.113.258.282)	71.438.273
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		439.720.455	286.032.647
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		439.720.455	286.032.647
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.673.537.827)	357.470.920
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	8.200.076.118	7.842.605.198
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.01	6.526.538.291	8.200.076.118

Người lập biểu



Nguyễn Thị Nhân

Phụ trách Kế toán



Nguyễn Thị Nhân

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chức vụ: Giám đốc



Nguyễn Thanh Lâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH cho năm tài chính 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Xô số kiến thiết Bắc Kạn được chuyển đổi từ Ban Xô số kiến thiết tỉnh Bắc Kạn theo quyết định số 1180/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4700213346 ngày 19/10/2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Thương mại, Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xô số, cá cược và đánh bạc (Kinh doanh phát hành các loại hình xô số);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Khách sạn);
- Cho thuê xe có động cơ (Cho thuê ô tô du lịch);
- Điều hành tua du lịch (Kinh doanh dịch vụ du lịch);
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Dịch vụ nhà hàng).

Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2020 của Công ty là 8.758.456.042 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Số 314, đường Võ Nguyên Giáp, phường Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài Chính, về việc hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty xô số kiến thiết.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay nợ, phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nợ phải thu

Nợ phải thu, được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự;

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho: Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất; Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp trung bình di động.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định theo hướng dẫn trong Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao căn cứ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

8. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi có thông báo của ngân hàng.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các khoản thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế được trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% đối với hàng hóa dịch vụ cung cấp.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

V.01 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	775.354.127	884.228.334
Tiền VND	775.354.127	884.228.334
Tiền gửi ngân hàng VND	500.104.907	1.306.850.827
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	497.439.534	1.113.534.034
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	2.665.373	7.714.212
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	185.602.581
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng	5.251.079.257	6.008.996.957
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.588.076.531	4.424.888.658
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	663.002.726	1.584.108.299
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-
Cộng	6.526.538.291	8.200.076.118

V.02 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi có kỳ hạn	5.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng Agribank	3.000.000.000	-
Cộng	5.500.000.000	2.500.000.000

V.03 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020	01/01/2020
Vé xổ số kiến thiết	178.171.975	159.861.243
Hàng hóa	42.600.000	44.400.000
Hàng gửi bán	6.355.882	-
Cộng	227.127.857	204.261.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V.04 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế giá trị gia tăng	77.454.145	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	60.886.864	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.670.291	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.785.735	15.785.735
Cộng	171.797.035	15.785.735

V.05 PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
Phải thu dài hạn khác	26.673.730	26.223.830
Tạm ứng	26.673.730	26.223.830
Cộng	26.673.730	26.223.830

V.06 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.146.909.448	1.021.200.000	525.683.591	8.693.793.039
Số dư cuối năm	7.146.909.448	1.021.200.000	525.683.591	8.693.793.039
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.019.561.138	793.491.400	399.959.817	2.213.012.355
Khấu hao trong năm	216.248.301	102.120.000	32.133.912	350.502.213
Số dư cuối năm	1.235.809.439	895.611.400	432.093.729	2.563.514.568
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	6.127.348.310	227.708.600	125.723.774	6.480.780.684
Tại ngày cuối năm	5.911.100.009	125.588.600	93.589.862	6.130.278.471

V.07 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	75.600.000	75.600.000
Số dư cuối năm	-	75.600.000	75.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	75.600.000	75.600.000
Số dư cuối năm	-	75.600.000	75.600.000
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu năm	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V.08 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	39.977.274	16.543.978
Cộng	39.977.274	16.543.978

V.09 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
Thuế giá trị gia tăng	-	599.367.353
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	811.171.666
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	203.302.066
Cộng	-	1.613.841.085

V.10 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
Hoa hồng lũy tiến	126.689.000	-
Phải trả khác	27.312.058	7.988.889
Cộng	154.001.058	7.988.889

V.11 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng rủi ro trả thưởng	3.892.959.988	1.916.132.542
Cộng	3.892.959.988	1.916.132.542

V.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn của đại lý	992.550.000	998.550.000
Cộng	992.550.000	998.550.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	8.758.456.042	-	934.810.224	9.693.266.266
- Lãi trong năm trước	-	-	604.295.259	604.295.259
- Trích lập	-	461.731.646	(1.539.105.483)	(1.077.373.837)
Số dư đầu năm nay	8.758.456.042	461.731.646	-	9.220.187.688
- Lãi trong năm nay	-	-	812.835.162	812.835.162
- Trích lập	-	243.850.549	(812.835.162)	(568.984.613)
Số dư cuối năm nay	8.758.456.042	705.582.195	-	9.464.038.237

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

VI.01 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xổ số truyền thống	734.718.182	919.709.090
Doanh thu xổ số bóc	746.145.455	917.913.636
Doanh thu xổ số lô tô	55.544.790.909	69.130.895.454
Doanh thu khác	58.309.091	1.620.161
Cộng	57.083.963.637	70.970.138.341

VI.02 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
Xổ số truyền thống	95.832.806	119.962.053
Xổ số bóc	97.323.320	119.727.865
Xổ số lô tô	7.244.972.726	9.017.073.321
Cộng	7.438.128.852	9.256.763.239

VI.03 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Xổ số truyền thống	638.885.376	799.747.037
Xổ số bóc	648.822.135	798.185.771
Xổ số lô tô	48.299.818.183	60.113.822.133
Doanh thu khác	58.309.091	1.620.161
Cộng	49.645.834.785	61.713.375.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI.04 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả thưởng	33.185.926.659	45.012.328.723
Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	375.616.659	436.768.723
Chi phí trả thưởng xổ số bốc	387.685.000	439.255.000
Chi phí trả thưởng xổ số lô tô	32.422.625.000	44.136.305.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.000.589.483	11.094.085.337
Giá vốn khác	41.945.455	-
Cộng	44.228.461.597	56.106.414.060

VI.05 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	439.720.455	286.032.647
Cộng	439.720.455	286.032.647

VI.06 THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	-	800
Thu tiền khôi phục đại lý, hợp đồng	200.000	900.000
Cộng	200.000	900.800

VI.07 CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Phạt hành chính về thuế	47.329	388.736.199
Cộng	47.329	388.736.199

VI.08 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất bằng 20 % lợi nhuận thu được.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	945.164.870	852.553.124
Các khoản điều chỉnh tăng	47.329	388.736.199
Phạt hành chính	47.329	388.736.199
Lợi nhuận kế toán trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	945.212.199	1.241.289.323
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	945.212.199	1.241.289.323
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính	189.042.440	248.257.865
Các khoản được miễn giảm khác	(56.712.732)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	132.329.708	248.257.865

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn tài chính Quốc Gia (NAFICO).

3. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 được ban Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 29/03/2021.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhàn

Phụ trách Kế toán

Nguyễn Thị Nhàn

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Nguyễn Thanh Lâm